

UBND HUYỆN THẠCH AN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện đến hết quý IV năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.200	25.017	123,85	111,50
I	Thu cân đối NSNN	20.200	25.017	123,85	111,50
1	Thu nội địa	20.200	25.017	123,85	111,50
2	Thu viện trợ	-	-		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	657.064	643.406	97,92	163,73
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	426.746	443.897	104,02	112,96
1	Chi đầu tư phát triển	14.821	23.265	156,97	74,98
2	Chi thường xuyên, dự phòng, chương trình mục tiêu	411.925	420.632	102,11	116,22
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	230.318	199.509		

UBND HUYỆN THẠCH AN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện đến hết quý IV năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ 2023
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.200	25.017	123,85	111,50
I	Thu nội địa	20.200	25.017	123,85	111,50
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	170	260	152,94	145,98
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	192	192	100,00	85,33
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.310	10.810	104,85	127,22
4	Thuế thu nhập cá nhân	550	760	138,18	92,68
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	2.550	4.150	162,75	159,62
7	Thu phí, lệ phí	1.300	1.300	100,00	103,75
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.997	4.175	104,45	153,21
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7	65	928,57	232,14
-	Thu tiền sử dụng đất	3.650	3.650	100,00	62,31
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	340	460	135,29	124,92
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	131	220	167,94	157,14
10	Thu khác ngân sách	1.000	3.150	315,00	127,58
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.717	16.161	109,81	118,14
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	14.717	16.161	109,81	120,37

UBND HUYỆN THẠCH AN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện đến hết quý IV năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm 2023
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	657.064	643.406	97,92	94,49
A	CHI CAN ĐOẠI NGAN SÁCH HUYỆN	426.746	443.897	104,02	112,96
I	Chi đầu tư phát triển	14.821	23.265	156,97	74,98
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	9.464	9.464	100,00	55,05
2	Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.357	13.801	257,63	99,74
II	Chi thường xuyên	411.925	419.032	101,73	116,03
	Trong đó:				
1	Chi Quốc phòng - An ninh	5.845	9.897	169,32	180,96
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	202.574	202.574	100,00	112,85
3	Chi khoa học và công nghệ				
4	Chi y tế, dân số và gia đình	27.653	29.897	108,11	118,78
5	Chi SN văn hóa phát thanh truyền hình, thể thao	7.116	7.116	100,00	137,00
6	Chi bảo vệ môi trường	3.140	3.140	100,00	100,00
7	Chi hoạt động kinh tế	19.014	19.014	100,00	88,07
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	126.182	126.182	100,00	124,61
9	Chi bảo đảm xã hội	20.401	20.401	100,00	105,20
10	Chi khác		812		
III	Chi đầu tư phát triển khác (hỗ trợ vốn vay NHCSXH + quỹ hỗ trợ nông dân)		1.600		200,00
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	230.318	199.509	86,62	69,29
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	230.318	199.509	86,62	69,29
-	Vốn Đầu tư	121.998	113.717	93,21	72,58
-	Vốn sự nghiệp	108.320	85.792	79,20	65,36
2	Cho các chương trình, dự án nhiệm vụ khác		-		
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				